



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐẠI TÍN



**BẢN TIN PHÁP LUẬT
THÁNG 09/2025**

MỤC LỤC

A. VĂN BẢN MỚI	1
1. Nghị định 239/2025/NĐ-CP sửa đổi bổ sung Nghị định 31/2021/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đầu tư.....	1
2. Thông tư 86/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh	3
B. VĂN BẢN HƯỚNG DẪN.....	6
1. Công văn 2677/SNV-VLATLĐ TP.HCM 2025 quy định tổ chức làm thêm từ 200 đến 300 giờ.....	6
2. Công văn 1585/TCS3-QLDN1 của Thuế cơ sở 3 tỉnh Đồng Nai về thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu	8
3. Cục Hải quan ban hành Công văn 23247/CHQ-NVTHQ ngày 09/9/2025, về hướng dẫn vướng mắc về trị giá tính thuế hàng xuất khẩu	9
C. ĐIỀU CẦN BIẾT THÊM	11
1. Công văn 805/TNI-QLDN1 2025 của Thuế tỉnh Tây Ninh về thuế thu nhập cá nhân đối với tiền ăn giữa ca của người lao động	11
2. Công văn 4405/TCS3-QLDN2 về thời điểm lập hóa đơn dịch vụ vận tải.....	11
3. Công văn 24469/CHQ-NVTHQ 2025 của Cục Hải quan về việc hướng dẫn chính sách thuế đối với sản phẩm xe máy điện nhập khẩu với mục đích nghiên cứu phát triển sản phẩm	12

A. VĂN BẢN MỚI

1. Nghị định 239/2025/NĐ-CP sửa đổi bổ sung Nghị định 31/2021/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đầu tư

Ngày ban hành: 03/09/2025

Ngày hiệu lực: 03/09/2025

Ngày 03/9/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định 239/2025/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 31/2021/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đầu tư.

Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư

- Nhà đầu tư quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 29 Nghị định 31/2021 được xem xét chấp thuận theo thủ tục sau:

+ Nhà đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận nhà đầu tư và kèm theo bản điện tử của hồ sơ gửi cho Cơ quan đăng ký đầu tư gồm:

văn bản đề nghị chấp thuận nhà đầu tư, tài liệu quy định tại các điểm b, c, e, g và h khoản 1 Điều 31 Nghị định 31/2021;

+ Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan đăng ký đầu tư gửi hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản này; báo cáo kết quả mời quan tâm (đối với nhà đầu tư quy định tại điểm b khoản 3 Điều 29 Nghị định 31/2021) để lấy ý kiến của cơ quan nhà nước tại địa phương có liên quan về việc đáp ứng yêu cầu quy định tại các điểm b, c và d khoản 8 Điều 31 Nghị định 31/2021.

Đối với dự án của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện tại đảo, xã, phường, thị trấn biên giới và xã, phường, thị trấn ven biển; khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, Cơ quan đăng ký đầu tư lấy ý kiến của Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh, Công an cấp tỉnh về việc đáp ứng các điều kiện bảo đảm quốc phòng, an ninh;



+ Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Cơ quan đăng ký đầu tư, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, gửi cơ quan đăng ký đầu tư,

+ Trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm a khoản này, Cơ quan đăng ký đầu tư lập báo cáo thẩm định gồm các nội dung theo quy định tại các điểm b, c và d khoản 8 Điều 31 Nghị định 31/2021, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

+ Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận nhà đầu tư và gửi Quyết định chấp thuận nhà đầu tư cho Bộ Tài chính (đối với dự án đã được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư); cơ quan tổ chức đấu giá (đối với trường hợp tổ chức đấu giá), Cơ quan đăng ký đầu tư và nhà đầu tư.

- Trường hợp bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức đấu thầu thì các cơ quan này lập báo cáo kết quả mời quan tâm và chấp thuận nhà đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu quy định tại các điểm b, c và d khoản 8 Điều 31 Nghị định 31/2021.

Quyết định chấp thuận nhà đầu tư được gửi cho Bộ Tài chính (đối với dự án đã được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư), Cơ quan đăng ký đầu tư và nhà đầu tư.

- Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư đối với dự án đầu tư thực hiện tại khu kinh tế quy định tại khoản 2 Điều 32 Luật Đầu tư 2020 được thực hiện như sau:

+ Nhà đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận nhà đầu tư và kèm theo bản điện tử của hồ sơ gửi cho Ban quản lý khu kinh tế gồm: văn bản đề nghị chấp thuận nhà đầu tư, tài liệu quy định tại các điểm b, c, e, g và h khoản 1 Điều 31 Nghị định 31/2021;

+ Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban quản lý khu kinh tế gửi hồ sơ lấy ý kiến của các cơ quan nhà nước tại địa phương có liên quan theo quy định tương ứng tại điểm b khoản 1 Điều 30 Nghị định 31/2021.

Đối với dự án của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện tại đảo, xã, phường, thị trấn biên giới và xã, phường, thị trấn ven biển; khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, Cơ quan đăng ký đầu tư lấy ý kiến của Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh, Công an cấp tỉnh về việc đáp ứng các điều kiện bảo đảm quốc phòng, an ninh;

+ Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban quản lý khu kinh tế, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, gửi Ban quản lý khu kinh tế;

+ Ban quản lý khu kinh tế chấp thuận nhà đầu tư trong thời hạn 17 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ quy định tại điểm a khoản 3 Điều 30 Nghị định 31/2021.

2. Thông tư 86/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh

Ngày ban hành: 28/08/2025

Ngày hiệu lực: 12/10/2025

Biểu mức thu phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh

Theo đó, biểu mức thu phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh như sau:

- Phí hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu,



nhập khẩu, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh: 20.000 đồng/tờ khai

- Phí hải quan kiểm tra, giám sát, gia hạn kiểm tra, giám sát, tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ: 200.000 đồng/đơn

- Phí hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ chuyển phát nhanh, bưu chính: 10.000 đồng/tờ khai

- Phí hải quan cấp sổ ATA: 1.000.000 đồng/sổ

- Phí hải quan cấp sổ ATA thay thế: 500.000 đồng/sổ

- Lệ phí đối với hàng hóa quá cảnh: 200.000 đồng/tờ khai

- Lệ phí đối với phương tiện vận tải quá cảnh đường bộ (gồm: ô tô, đầu kéo, máy kéo): 200.000 đồng/phương tiện

- Lệ phí đối với phương tiện vận tải quá cảnh đường thủy (gồm: tàu, ca nô, đầu kéo, xà lan): 500.000 đồng/phương tiện

Đối tượng được miễn phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh

Miễn phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh đối với tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hải quan xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải trong các trường hợp sau:

- Hàng viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại; quà tặng cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, cá nhân (được miễn thuế trong định mức theo quy định); quà biếu, quà tặng vì mục đích nhân đạo, từ thiện; đồ dùng của tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy chế miễn trừ ngoại giao; hành lý mang theo người.

- Hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới trong định mức miễn thuế theo quy định.

- Phương tiện vận tải của cư dân biên giới được quản lý theo phương thức mở sổ theo dõi, không quản lý bằng tờ khai.
- Hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh được miễn phí, lệ phí theo quy định tại các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc cam kết của Chính phủ Việt Nam.



B. VĂN BẢN HƯỚNG DẪN

1. Công văn 2677/SNV-VLATLĐ TP.HCM 2025 quy định tổ chức làm thêm từ 200 đến 300 giờ



Sở Nội vụ TP HCM đã ban hành Công văn 2677/SNV-VLATLĐ thông tin quy định việc tổ chức làm thêm từ trên 200 giờ đến 300 giờ trong một năm.

Tại Công văn 2677/SNV-VLATLĐ ngày 18/8/2025, Sở Nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh thông tin các quy định về việc tổ chức làm thêm từ trên 200 giờ đến 300 giờ trong một năm như sau:

(1) Được sự đồng ý của người lao động khi làm thêm giờ (theo quy định tại Điều 59 Nghị định 145/2020/NĐ-CP). Cụ thể:

- Trừ các trường hợp quy định tại Điều 108 của Bộ luật Lao động, các trường hợp khác khi tổ chức làm thêm giờ, người sử dụng lao động phải được sự đồng ý của người lao động tham gia làm thêm về các nội dung sau đây:

- Thời gian làm thêm;
- Địa điểm làm thêm;
- Công việc làm thêm.

- Trường hợp sự đồng ý của người lao động được ký thành văn bản riêng thì tham khảo Mẫu số 01/PLIV Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định 145/2020.

(2) Giới hạn số giờ làm thêm (theo quy định tại Điều 61 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020). Cụ thể:

- Tổng số giờ làm thêm không quá 50% số giờ làm việc bình thường trong 01 ngày khi làm thêm vào ngày làm việc bình thường, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 61 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP.

- Trường hợp áp dụng quy định thời giờ làm việc bình thường theo tuần thì tổng số giờ làm việc bình thường và số giờ làm thêm không quá 12 giờ trong 01 ngày.

- Trường hợp làm việc không trọn thời gian quy định tại Điều 32 của Bộ luật Lao động thì tổng số giờ làm việc bình thường và số giờ làm thêm không quá 12 giờ trong 01 ngày.

- Tổng số giờ làm thêm không quá 12 giờ trong một ngày, khi làm thêm vào ngày nghỉ lễ, tết và ngày nghỉ hàng tuần.

- Thời giờ quy định tại các khoản 1 Điều 58 Nghị định 145/2020 được giảm trừ khi tính tổng số giờ làm thêm trong tháng, trong năm để xác định việc tuân thủ quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 107 của Bộ luật Lao động.

Ngoài ra, khi tổ chức làm thêm từ trên 200 giờ đến 300 giờ trong một năm, người sử dụng lao động phải thông báo cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại các nơi sau:

- Nơi người sử dụng lao động tổ chức làm thêm từ trên 200 giờ đến 300 giờ trong một năm;

- Nơi đặt trụ sở chính, nếu trụ sở chính đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác với nơi người sử dụng lao động tổ chức làm thêm từ trên 200 giờ đến 300 giờ trong một năm.

Việc thông báo phải được thực hiện chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày thực hiện làm thêm từ trên 200 giờ đến 300 giờ trong một năm.

2. Công văn 1585/TCS3-QLDN1 của Thuế cơ sở 3 tỉnh Đồng Nai về thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu



Trường hợp Công ty bán các mặt hàng văn phòng phẩm, thiết bị nội thất văn phòng và cung cấp dịch vụ suất ăn công nghiệp cho doanh nghiệp chế xuất thì thực hiện mức thuế suất thuế GTGT theo quy định như sau:

- Đối với hàng hoá từ nội địa Việt Nam bán cho tổ chức trong khu phi thuế quan và được tiêu dùng trong khu phi thuế quan phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xuất khẩu theo nếu đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP thì mức thuế suất là 0%.

- Đối với dịch vụ cung cấp trực tiếp cho tổ chức ở trong khu phi thuế quan và được tiêu dùng trong khu phi thuế quan phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xuất khẩu nếu đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP thì mức thuế suất là 0%.

Các trường hợp không áp dụng thuế suất 0% được quy định tại khoản 4 Điều 18 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP.

Doanh nghiệp thực hiện tờ khai hải quan theo quy định của pháp luật về Hải quan đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu.

Căn cứ hàng hoá, dịch vụ thực tế bán, cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất, Công ty xác định hồ sơ, thủ tục áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% theo Điều 4 Thông tư số 69/2025/TT-BTC...

3. Cục Hải quan ban hành Công văn 23247/CHQ-NVTHQ ngày 09/9/2025, về hướng dẫn vướng mắc về trị giá tính thuế hàng xuất khẩu

Căn cứ vào quy định và thực tế hồ sơ theo báo cáo của Chi cục Hải quan khu vực X thì:

(1) Đối với khoản tiền thưởng hiệu suất:

- Tiền thưởng hiệu suất do người mua (người nhập khẩu) trả cho người bán (người xuất khẩu) vì người bán sắp xếp hàng hóa để đạt được số lượng nhiều nhất có thể (được thể hiện trong hợp đồng).



- Để được nhận tiền thưởng hiệu suất này, người bán đã phát sinh thêm các chi phí lu lèn, san ủi hàng hơn và khoản chi phí này đã được hạch toán vào chi phí xuất hàng.

Do vậy, khoản tiền thưởng hiệu suất này không liên quan tới giá trị của hàng hóa, không cấu thành giá bán hàng hóa để xuất khẩu nên không phải là khoản phải cộng vào trị giá hải quan để tính thuế xuất khẩu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định 08/2015/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định 59/2018/NĐ-CP); khoản 2 Điều 4 Thông tư 39/2015/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Thông tư 60/2019/TT-BTC) nêu trên.

(2) Về tiền thưởng chất lượng:

- Tiền thưởng chất lượng do người mua (người nhập khẩu) trả cho người bán (người xuất khẩu) vì đã sản xuất hàng hóa có các tiêu chí chất lượng đáp ứng yêu cầu của người nhập khẩu.

- Để được nhận tiền thưởng chất lượng này, người bán đã tăng thêm chi phí sản xuất và các khoản chi phí này được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng hóa.

Do vậy, khoản tiền thưởng chất lượng này liên quan đến hàng hoá xuất khẩu (chất lượng hàng hoá xuất khẩu) nhưng chưa được thể hiện trong giá bán của hàng hoá xuất khẩu tại Hợp đồng mua bán và hoá đơn thương mại nên là khoản phải cộng vào trị giá hàng hoá xuất khẩu theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định 08/2015/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định 59/2018/NĐ-CP); khoản 2 Điều 4 Thông tư 39/2015/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Thông tư 60/2019/TT-BTC) nêu trên.



C. ĐIỀU CẦN BIẾT THÊM

1. Công văn 805/TNI-QLDN1 2025 của Thuế tỉnh Tây Ninh về thuế thu nhập cá nhân đối với tiền ăn giữa ca của người lao động

Kể từ ngày 15/06/2025 trở đi, trường hợp Công ty phát sinh khoản chi tiền cho bữa ăn giữa ca cho người lao động làm việc tại Công ty, nếu khoản chi này được quy định cụ thể về điều kiện hưởng, mức hưởng trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể hoặc nội quy, quy chế của Công ty thì không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN. Nếu mức chi tiền vượt quá quy định thì phần vượt sẽ tính vào thu nhập chịu thuế TNCN.



2. Công văn 4405/TCS3-QLDN2 về thời điểm lập hóa đơn dịch vụ vận tải



Công ty cung cấp dịch vụ vận tải hàng hoá bằng đường bộ thì thời điểm lập hóa đơn thực hiện theo quy định như sau:

Nếu hoạt động cung cấp dịch vụ vận tải hàng hoá của Công ty đáp ứng điều kiện về kinh doanh dịch vụ logistics theo quy định tại Nghị định số 163/2017/NĐ-CP và cung cấp dịch vụ với số lượng lớn, phát sinh thường xuyên, cần có thời gian đối soát số liệu với khách hàng thì thời điểm lập hóa đơn là thời điểm hoàn thành việc đối soát dữ liệu giữa các bên nhưng chậm nhất không quá ngày 07 của tháng sau tháng phát

sinh việc cung cấp dịch vụ hoặc không quá 07 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ quy ước theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP.

3. Công văn 24469/CHQ-NVTHQ 2025 của Cục Hải quan về việc hướng dẫn chính sách thuế đối với sản phẩm xe máy điện nhập khẩu với mục đích nghiên cứu phát triển sản phẩm



Máy móc, thiết bị tạm nhập, tái xuất để thử nghiệm, nghiên cứu phát triển sản phẩm thuộc đối tượng miễn thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu. Trường hợp Công ty tạm nhập, tái xuất xe máy điện nguyên chiếc là phương tiện vận chuyển không phải máy móc, thiết bị thì không thuộc đối tượng

miễn thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu theo quy định tại điểm khoản Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13.

Trường hợp Công ty tạm nhập, tái xuất xe máy điện không thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, đồng thời, thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng theo quy định.



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐẠI TÍN là tổ chức kiểm toán, tư vấn tài chính chuyên nghiệp, cung cấp các dịch vụ chất lượng cao bao gồm: Kiểm toán, kế toán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư, tư vấn M&A, tư vấn thuế và đào tạo.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐẠI TÍN được thành lập và điều hành bởi đội ngũ sáng lập viên và các chuyên gia tâm huyết, am tường về kiểm toán, kế toán, tài chính và quản trị, có nhiều năm nắm giữ vị trí quản lý trong các công ty hàng đầu trong và ngoài nước. Điều này giúp Đại Tín có được một đội ngũ nhân lực cao cấp và có thể cung cấp cho khách hàng các dịch vụ phù hợp với Việt Nam song đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng quốc tế.

Liên hệ

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐẠI TÍN

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN, TÀI CHÍNH, TƯ VẤN THUẾ, DỊCH VỤ CHUYỂN GIÁ

Văn Phòng : 622/3 Cộng Hòa, Phường Tân Bình, Tp.HCM

Trụ sở : 750/1/15 Nguyễn Kiệm, Phường Đức Nhuận, Tp.HCM

ĐT : 0283 500 4494 **Web:** www.kiemtoandaitin.com

Email : langtat@kiemtoandaitin.com; minhthu@kiemtoandaitin.com

Nếu Quý Công ty cần tư vấn chi tiết thì hãy liên hệ phòng tư vấn của Công ty Chúng tôi với số điện thoại dưới đây:

Mr. Lãng - Giám Đốc Kinh Doanh (tiếng Trung) – 0908 608 955

Ms. Thư - Chuyên viên Kinh Doanh (tiếng Trung) – 0343 801 369

Ms. Mỹ - Chuyên viên Kinh Doanh (tiếng Trung) – 0522 023 336

Ms. Trang - Chuyên viên Kinh Doanh (tiếng Trung) – 0326 742 070